Ký bởi: Sở Y tế
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 05-11-2026 11:07:01

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TTr-UBND	*Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH
Về việc ban hành Nghị quyết Quy định số lượng, mức hỗ trợ hằng tháng đối với hân viên y tế thôn, tổ dân phố; cô đỡ thôn, bản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025;

Thực hiện Nghị định số 192/2026/NĐ-CP ngày 30/05/2026 quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù trong lĩnh vực y tế; hỗ trợ hằng tháng đối với Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản; Thông tư số 27/2023/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn chuyên môn, chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động khám chữa bệnh và nội dung đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ đối với Nhân viên y tế thôn, bản, cô đỡ thôn, bản; triển khai Công văn số …/HĐND-VHXH ngày …/…/2026 của Thường trực HĐND tỉnh về xây dựng Nghị quyết quy định số lượng, mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; cô đỡ thôn, bản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số …/TTr-SYT ngày …/…/2026; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số …/BC-STP ngày …/…/2026 và ý kiến thống nhất của Thành viên UBND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành xây dựng Nghị quyết số lượng, mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; cô đỡ thôn, bản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Nghị định số 192/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định tại Điều 7: Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản được hỗ trợ hằng tháng trong thời gian công tác; mức hỗ trợ bằng 0,7 lần hoặc 0,5 lần mức lương cơ sở. Đồng thời, khoản 3 Điều 7 giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ đặc điểm, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu thực tế và khả năng ngân sách của địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xác

định cụ thể số lượng và mức hỗ trợ hằng tháng, nhưng không thấp hơn mức hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều này.

Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 192/2026/NĐ-CP quy định mức hỗ trợ 0,7 lần mức lương cơ sở áp dụng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản làm việc tại thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo quy định của Chính phủ; tổ dân phố, khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên. Mức 0,5 lần mức lương cơ sở áp dụng đối với các trường hợp còn lại.

Do đó, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định cụ thể số lượng và mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản trên địa bàn tỉnh là cần thiết, bảo đảm phù hợp với quy định của Chính phủ, đặc điểm của địa phương và khả năng cân đối ngân sách.

2. Cơ sở thực tiễn

Trước ngày 01 tháng 7 năm 2026[1], trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có 1.535 nhân viên y tế thôn. Chế độ hỗ trợ trước đây được thực hiện theo từng địa bàn, trong đó mức 0,5 lần và 0,3 lần mức lương tối thiểu chung được áp dụng tương ứng với khu vực đặc biệt khó khăn và các khu vực còn lại.

Nhân viên y tế thôn và cô đỡ thôn, bản là lực lượng trực tiếp hoạt động tại cộng đồng, có vai trò hỗ trợ ngành y tế trong tuyên truyền, vận động người dân thực hiện các biện pháp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe; phát hiện sớm và tham gia phòng, chống dịch bệnh; chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; thực hiện một số hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu theo quy định. Đội ngũ này góp phần tăng khả năng tiếp cận dịch vụ y tế, nhất là tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và khu vực có điều kiện đi lại còn hạn chế.

Sau khi Nghị định số 192/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 15 tháng 7 năm 2026, mức hỗ trợ, đối tượng và nguyên tắc thực hiện đã được Chính phủ quy định thống nhất. Vì vậy, cần ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh để xác định cụ thể số lượng, mức hỗ trợ trên địa bàn tỉnh, bảo đảm việc thực hiện chế độ được liên tục, thống nhất và phù hợp với thực tế tổ chức mạng lưới y tế cơ sở sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Việc ban hành Nghị quyết cũng tạo cơ sở để duy trì, ổn định đội ngũ nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản, khuyến khích lực lượng này tiếp tục gắn bó, tham gia các hoạt động chăm sóc sức khỏe nhân dân tại cộng đồng.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích:

---

[1] tỉnh Quảng Ngãi có 1.710 thôn, làng, tổ dân phố *(trong đó: 1.471 thôn, 21 làng, 218 tổ dân phố). Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 1.098* thôn, làng, tổ dân phố **(***(trong đó: 951 thôn, 15 làng, 132 tổ dân phố)*

Cụ thể hóa quy định của Chính phủ về chế độ hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản trên địa bàn tỉnh.

Xác định số lượng nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản phù hợp với đặc điểm dân cư, địa bàn, nhu cầu chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng và khả năng ngân sách của tỉnh.

Bảo đảm chế độ hỗ trợ được thực hiện thống nhất, kịp thời, đúng đối tượng; góp phần duy trì và phát huy vai trò của lực lượng y tế cộng đồng trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2. Quan điểm:

Bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và các quy định hiện hành về tổ chức chính quyền địa phương, ngân sách nhà nước và xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Bảo đảm mức hỗ trợ không thấp hơn mức hỗ trợ quy định tại Nghị định số 192/2026/NĐ-CP; đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

Bảo đảm tính khả thi, rõ ràng, minh bạch và thuận lợi trong tổ chức thực hiện, nhất là sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Trên cơ sở hồ sơ đăng ký xây dựng Nghị quyết tại Tờ trình số 511/TTr-UBND ngày 23/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đã có Công văn số 470/HĐND-KTNS ngày 04/11/2026 về việc danh mục nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chi tiết và nội dung được giao theo Tờ trình số 511/TTr-UBND của UBND tỉnh. Theo đó, thống nhất trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định số lượng, mức hỗ trợ đối với Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản trên địa bàn tỉnh; trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp tháng 12/2026.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan; thực hiện đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Y tế; Sở Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số2...../BC-STP ngày .....; Sở Y tế đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo tại Báo cáo số ...../BC-SYT ngày ..... Đồng thời, UBND tỉnh đã lấy ý kiến thống nhất của các thành viên UBND tỉnh và trình Đảng ủy UBND tỉnh tại Tờ trình số /TTr-UBND ngày .... để xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết được thực hiện đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp luật có liên quan.

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm có 06 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Điều 2. Số lượng Nhân viên y tế thôn, bản; cô đỡ thôn, bản.

Điều 3. Mức hỗ trợ hàng tháng.

Điều 4. Kinh phí thực hiện.

Điều 5. Hiệu lực thi hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản dự thảo Nghị quyết: quy định số lượng, mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; cô đỡ thôn, bản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

2.1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định số lượng, mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế làm công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu tại thôn, bản, làng (sau đây gọi là nhân viên y tế thôn), và tại tổ dân phố (sau đây gọi là nhân viên y tế tổ dân phố); nhân viên y tế làm công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn, xã vùng bãi ngang, ven biển (sau đây gọi là Cô đỡ thôn, bản) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2.2. Đối tượng áp dụng:

a) Nghị quyết này áp dụng đối với nhân viên y tế thôn, nhân viên y tế tổ dân phố; cô đỡ thôn, bản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

2.3. Số lượng nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; cô đỡ thôn, bản

- Mỗi thôn, bản, làng được bố trí ít nhất 01 (một) nhân viên y tế thôn hoặc 01 (một) cô đỡ thôn, bản.

- Mỗi tổ dân phố được bố trí ít nhất 01 (một) nhân viên y tế tổ dân phố.

- Đối với các thôn, bản, làng có từ 700 hộ gia đình trở lên được bố trí 02 (hai) nhân viên y tế thôn hoặc cô đỡ thôn, bản; đối với tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình trở lên được bố trí 02 (hai) nhân viên y tế tổ dân phố.

2.4. Mức hỗ trợ hàng tháng

a) Mức hỗ trợ hằng tháng bằng 0,7 lần mức lương cơ sở cho mỗi nhân viên y tế thôn, nhân viên y tế tổ dân phố; cô đỡ thôn, bản tại:

- Các thôn,bản, làng thuộc xã khó khăn và xã đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ.

- Các thôn, bản, làng có từ 350 hộ gia đình trở lên.

- Tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên.

b) Mức hỗ trợ hằng tháng bằng 0,5 lần mức lương cơ sở cho mỗi nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; cô đỡ thôn, bản tại thôn, bản, làng, tổ dân phố còn lại.

2.5. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT, THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA VÀ HÌNH THỨC THỰC HIỆN

1. Dự kiến nguồn lực: Kinh phí thựuc hiện chính sách từ nguồn ngân sách thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 192/2026/NĐ-CP ngày 30/05/2026 của Chính phủ: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương thực hiện chế độ phụ cấp đặc thù quy định tại Nghị định này đối với phần ngân sách nhà nước đảm bảo; bố trí và tổng hợp chung vào nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương hàng năm kinh phí hỗ trợ hàng tháng tính theo lương cơ sở với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản.

Dự kiến số lượng nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và kinh phí thực hiện: Toàn tỉnh có 1.098 thôn, làng, tổ dân phố, dự kiến bố trí 1.294 nhân viên y tế; trong đó 1.202 người thuộc nhóm áp dụng mức hỗ trợ 0,7 lần mức lương cơ sở và 92 người thuộc nhóm áp dụng mức hỗ trợ 0,5 lần mức lương cơ sở, cụ thể:

TT	Phân loại địa bàn	Số thôn, tổ dân phố	NVYT thôn, tổ dân phố	Hệ số hỗ trợ	Tiền chi hằng tháng (ĐVT đồng)
I	**Tổ dân phố**	**132**	**172**		**295.504.000**
1	Tổ dân phố trên 1000 hộ	40	80	0,7	141.680.000
2	Tổ dân phố từ 500 hộ đến dưới 1000 hộ trên 500 hộ	74	74	0,7	131.054.000
3	Tổ dân phố dưới 500 hộ	18	18	0,5	22.770.000
II	**Thôn, bản, làng**	**966**	**1.122**		**1.949.618.000**
1	Thôn bản, làng trên 700 hộ	156	312	0,7	552.552.000
2	Thôn, bản, làng từ 350 hộ đến dưới 700 hộ	344	344	0,7	609.224.000
3	Thôn làng dưới 350 hộ	466	466		787.842.000
	- Thôn làng dưới 350 hộ	74	74	0,5	93.610.000

	không thuộc xã khó khăn				
	- Thôn làng dưới 350 hộ thuộc xã khó khăn	392	392	0,7	694.232.000
	Tổng	**1.098**	**1.294**		**2.245.122.000**

2. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết

Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

3. Thời gian trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua: Tại kỳ họp cuối năm 2029 (kỳ họp tháng 12 năm 2026).

VI. HỒ SƠ TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

Hồ sơ Tờ trình Nghị quyết, gồm có:

1. Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Dự thảo Nghị quyết quy định số lượng, mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, bản; cô đỡ thôn, bản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Báo cáo thẩm định số /BC-STP ngày ..... của Sở Tư pháp;

4. Báo cáo số ...../BC-SYT ngày ..... của Sở Y tế về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

5. Báo cáo số .../BC-SYT ngày .... của Sở Y tế về tổng kết thi hành chính sách quy định số lượng, mức chi hàng tháng đối với nhân viên y tế thôn, bản; cô đỡ thôn, bản trên địa bàn tỉnh;

6. Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với viên chức y tế được chọn, cử đi bồi dưỡng tại các trường, bệnh viện trong và ngoài nước cả về chuyên môn và kinh nghiệm quản lý.

7. Các tài liệu liên quan.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ban Văn hóa - Xã hội (HĐND tỉnh);
- Các Sở: Y tế, Tư pháp, Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Tâm